

1984-es világbajnokság

Versenyző	Autó	BRA	RSA	BEL	RSM	FRA	MCO	CDN	USA	USA	GBR	GER	AUT	NED	ITA	EUR	POR	Összes
1. Niki Lauda	McLaren - TAG MP4/2	CN	9	CN	CN	9	CN	6	CN	CN	9	6	9	6	9	3	6	72
2. Alain Prost	McLaren - TAG MP4/2	9	6	CN	9	0	4,5	4	3	CN	CN	9	CN	9	CN	9	9	71,5
3. Elio de Angelis	Lotus - Renault 95T	4	0	2	4	2	1	3	6	4	3	CN	CN	3	CN	CN	2	34
4. Michele Alboreto	Ferrari 126C4	CN	0	9	CN	CN	0,5	CN	CN	CN	2	CN	4	CN	6	6	3	30,5
5. Nelson Piquet	Brabham - BMW BT53	CN	CN	0	CN	CN	CN	9	9	CN	0	CN	6	CN	CN	4	1	29
6. Rene Arnoux	Ferrari 126C4	CN	CN	4	6	3	2	2	CN	6	1	1	0	0	CN	2	0	27
7. Derek Warwick	Renault RE50	CN	4	6	3	CN	CN	CN	CN	CN	6	4	CN	CN	CN	0	CN	23
8. Keke Rosberg	Williams - Honda FW09	6	CN	3	CN	1	1,5	CN	CN	9								20,5
	Williams - Honda FW09B										CN	CN	CN	0	CN	CN	CN	
9. Ayrton Senna	Toleman - Hart TG183B	CN	1	1	NK													13
	Toleman - Hart TG184					CN	3	0	CN	CN	4	CN	CN	CN		CN	4	
Nigel Mansell	Lotus - Renault 95T	CN	CN	CN	CN	4	CN	1	CN	1	CN	3	CN	4	CN	CN	CN	13
11. Patrick Tambay	Renault RE50	2	CN	0	CN	6	CN	NI	CN	CN	0	2	CN	1	CN	CN	0	11
12. Teo Fabi	Brabham - BMW BT53	CN	CN	CN	CN	0			4		CN	CN	3	2	CN	CN		9
13. Riccardo Patrese	Alfa Romeo 184T	CN	3	CN	CN	CN	CN	CN	CN	CN	0	CN	0	CN	4	1	0	8
14. Thierry Boutsen	Arrows - Ford A6	1	0		2													5
	Arrows - BMW A7			CN		0	NK	CN	CN	CN	CN	CN	2	CN	0	0	CN	
Jacques Laffite	Williams - Honda FW09	CN	CN	CN	CN	0	0	CN	2	3								5
	Williams - Honda FW09B										CN	CN	CN	CN	CN	CN	0	
16. Andrea de Cesaris	Ligier - Renault JS23	CN	2	CN	1	0	CN	CN	CN	CN	0	0	CN	CN	CN	0	0	3
16. Stefan Johansson	Tyrrell - Ford 012											KZ	KZ	NK	KZ			3
	Toleman - Hart TG184															3	CN	
Eddie Cheever	Alfa Romeo 184T	3	CN	CN	0	CN	NK	0	CN	CN	CN	CN	CN	0	0	CN	0	3
19. Piercarlo Ghinzani	Osella - Alfa Romeo FA1F	CN	NI	CN	NK	0	0	CN	CN	2	0	CN	CN	CN	0	CN	CN	2
20. Marc Surer	Arrows - Ford A6	0	0	0		CN	NK		CN									1
	Arrows - BMW A7				CN			CN		CN	0	CN	1	CN	CN	CN	CN	
NO Jo Gartner	Osella - Alfa Romeo FA1E				CN													2*
	Osella - Alfa Romeo FA1F										CN	CN	CN	0	2	0	0	
NO Gerhard Berger	ATS - BMW D7												0		1	CN	0	1*
Philippe Alliot	RAM - Hart 02	CN	CN	NK	CN	CN	NK	0	CN	CN	CN	CN	0	0	CN	CN	CN	0
Mauro Baldi	Spirit - Hart 101	CN	0	CN	0	CN	NK									0	0	-
Stefan Bellof	Tyrrell - Ford 012	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ		NK	KZ				-
Martin Brundle	Tyrrell - Ford 012	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	NK	KZ	KZ	NK								-
Johnny Cecotto	Toleman - Hart TG183B	CN	CN	CN	NO	CN												-
	Toleman - Hart TG184						CN	0	CN	CN	NK							
Corrado Fabi	Brabham - BMW BT53						CN	CN		0								-
Francois Hesnault	Ligier - Renault JS23	CN	0	CN	CN	NI	CN	CN	CN	CN	CN	0	0	0	CN	0	CN	-
Pierluigi Martini	Toleman - Hart TG184															NK		-
Jonathan Palmer	RAM - Hart 01	0	CN		0													-
	RAM - Hart 02			0		0	NK		CN	CN	CN	CN	0	0	CN	CN	CN	
Huib Rothengatter	Spirit - Hart 101							NO	NK	CN	NO	0	NO	CN	0			-
Philippe Streiff	Renault RE50																CN	-
Mike Thackwell	RAM - Hart 02							CN										-
	Tyrrell - Ford 012											NK						
Manfred Winkelhock	ATS - BMW D7	KÁ	CN	CN	CN	CN	CN	0	CN	0	CN	CN	NI	CN	NI			-
	Brabham - BMW BT53																0	

Konstruktőr	Motor / Gumi	BRA	RSA	BEL	RSM	FRA	MCO	CDN	USA	USA	GBR	GER	AUT	NED	ITA	EUR	POR	Összes
1. McLaren	TAG / Michelin	9	15	0	9	9	4,5	10	3	0	9	15	9	15	9	12	15	143,5
2. Ferrari	Ferrari / Goodyear	0	0	13	6	3	2,5	2	0	6	3	1	4	0	6	8	3	57,5
3. Lotus	Renault / Goodyear	4	0	2	4	6	1	4	6	5	3	3	0	7	0	0	2	47
4. Brabham	BMW / Michelin	0	0	0	0	0	0	9	13	0	0	0	9	2	0	4	1	38
5. Renault	Renault / Michelin	2	4	6	3	6	0	0	0	0	6	6	0	1	0	0	0	34
6. Williams	Honda / Goodyear	6	0	3	0	1	1,5	0	2	12	0	0	0	0	0	0	0	25,5
7. Toleman	Hart / Pirelli, Michelin	0	1	1	0	0	3	0	0	0	4	0	0	0	3	0	4	16
8. Alfa Romeo	Alfa Romeo / Goodyear	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	1	0	11
9. Arrows	Ford / Goodyear	1	0	0	2	0	0		0									6
	BMW / Goodyear			0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	
10. Osella	Alfa Romeo / Pirelli	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	4
11. Ligier	Renault / Michelin	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
12. ATS	BMW / Pirelli	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
RAM	Hart / Pirelli	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
Spirit	Hart / Pirelli	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
Tyrrell *	Ford / Goodyear	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ				-

* Utólagos kizárásokkal, illetve be nem számított eredményekkel sújtották a Tyrrell-csapatot szabálytalan benzinhaszárlat miatt

Rövidítés-magyarázat: CN = Célbaérés nélkül
 NI = Nem indult
 NK = Nem kvalifikált
 NO = Nem osztályozták
 KÁ = Kiálltva
 KZ = Kizárva